

# SỰ LỰA CHỌN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TRONG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀ Ý NGHĨA HIỆN THỜI CỦA SỰ LỰA CHỌN ĐÓ

VŨ THỊ KIỀU PHƯƠNG (\*)

*Bài viết khẳng định, với cách tiếp cận chủ nghĩa xã hội xuất phát từ thực tiễn, từ lịch sử và nhu cầu sinh tồn, phát triển của dân tộc Việt Nam, Hồ Chí Minh không chỉ tìm thấy ở chủ nghĩa xã hội những điểm phù hợp với mong muốn và khát vọng của dân tộc Việt Nam, mà còn chỉ ra cho dân tộc Việt Nam những lợi ích, giá trị có được khi xây dựng chủ nghĩa xã hội; từ đó, chỉ ra ý nghĩa hiện thời của tư tưởng này đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội theo tinh thần đổi mới ở nước ta hiện nay.*

Trong công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, con đường phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa luôn được Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định và nhấn mạnh tại các kỳ Đại hội Đảng, trong Cương lĩnh và các văn kiện Đảng. Trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển 2011)*, một lần nữa, Đảng ta khẳng định: “Đi lên chủ nghĩa xã hội là khát vọng của nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử”(1). Trong bài viết này, chúng tôi phân tích sự xác định, lựa chọn chủ nghĩa xã hội trong tư tưởng Hồ Chí Minh và nêu lên ý nghĩa hiện thời của vấn đề.

## 1. Sự xác định, lựa chọn và hiện thực hóa con đường xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam của Hồ Chí Minh

Cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, trước sự nhu nhược, đầu hàng thực dân Pháp của chế độ phong kiến cùng sự áp bức và bóc lột của chế độ thực dân, các phong trào khởi nghĩa, yêu nước ở Việt Nam nổi lên mạnh mẽ, nhưng rồi đều bị chế độ thực dân đàn áp dã man và lần lượt tan rã. Sau sự thất bại của phong trào Cần vương (1885-1896), các nhà nho Việt Nam

tìm thấy ở tấm gương duy tân Nhật Bản và Trung Quốc những niềm hy vọng mới. Nhiều đường hướng kháng chiến, cứu nước được vạch ra từ đó, như phong trào Đông Du với mục đích “câu viện”, “câu học” Nhật Bản của Phan Bội Châu, hay chủ trương tiến hành đổi mới ngay trong nước, hô hào nâng cao dân trí nhằm làm cho dân chúng nhận thấy rõ được tính chất hủ bại của chế độ phong kiến mà đứng lên làm cách mạng của Phan Chu Trinh, v.v.. Song, cuối cùng, các phong trào đó đều bị chính quyền thực dân đàn áp, khủng bố.

Các phong trào yêu nước nói trên đã lôi kéo được sự ủng hộ và tham gia đông đảo của các nhà nho, chí sĩ và quần chúng yêu nước, tạo nên được làn sóng đấu tranh cách mạng mạnh mẽ và ảnh hưởng sâu rộng trong xã hội Việt Nam lúc bấy giờ. Song, bởi sự *sai lầm trong việc xác định hiện thực của đất nước* trong mối quan hệ với xu thế vận động của thế giới, nên thủ lĩnh các phong trào này đã *sai lầm trong việc xác định và lựa*

(\*) Thạc sĩ, Viện Triết học, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.70.

chọn đường hướng cách mạng cho dân tộc Việt Nam lúc bấy giờ. Chẳng hạn, phong trào Đông Du để học cái mới, cái thành công của Nhật Bản là không sai, nhưng chủ trương dựa vào Nhật Bản để đánh đuổi thực dân Pháp là sai. Bởi vì, khi đó, cả Nhật Bản và Pháp đều là đế quốc và có tham vọng về bá quyền và nô dịch thuộc địa nhằm bóc lột nhân công và khai thác tài nguyên, nên việc giữa chúng xuất hiện những hiệp ước về quyền lợi là khả năng thực tế và là khả năng gần. Hơn nữa, việc dựa vào một đế quốc để đánh một đế quốc không khác gì việc dọn đường cho đế quốc ấy vào xâm lược đất nước mình. Đó là cái sai về phương pháp cách mạng. Trong bối cảnh rối rắm của đất nước khi đó, Hồ Chí Minh đã tìm thấy ánh sáng cho tương lai của dân tộc Việt Nam ở Quốc tế thứ ba, ở chủ nghĩa Mác - Lênin.

Năm 1911, trước cảnh lầm than của dân tộc cùng sự bế tắc về đường hướng và giải pháp của các phong trào yêu nước, Hồ Chí Minh khi ấy là một thanh niên yêu nước, có tinh thần cách mạng và chống chủ nghĩa thực dân dưới cái tên Văn Ba đã lên tàu đi ra nước ngoài tìm đường cứu nước. Khi đó, người thanh niên yêu nước ấy chỉ quan tâm tới một mục đích duy nhất là làm thế nào để Tổ quốc Việt Nam được giải phóng, các dân tộc thuộc địa được giải phóng(2). Như vậy, ngay từ khâu xác định mục đích đấu tranh cách mạng của Hồ Chí Minh đã có sự khác biệt với các bậc tiền bối. Sự khác biệt đó là ở chỗ, ngay từ đầu, Hồ Chí Minh đã xác định mối liên hệ giữa sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam với thế giới, mà trước hết là với các dân tộc thuộc địa như dân tộc Việt Nam khi đó. Sự xác định mục đích này là rất quan trọng, bởi nó liên quan mật thiết đến quá trình chủ thể lựa chọn con đường có thể đạt tới mục đích đó.

Đất nước mà người thanh niên ấy muốn đặt chân đến đầu tiên chính là nước Pháp, để tìm hiểu xem cùng là giống người mà sao người Pháp lại tàn ác với người Việt Nam đến thế. Sự xác định hướng đi này là rất đúng đắn, bởi muốn đánh thắng được quân địch thì về mặt quân sự, phải biết người, biết ta, phải có thông tin chính xác về đối phương. Nắm bắt thông tin xác thực là khâu đầu tiên quan trọng trong quá trình phân tích tình hình và đưa ra các xét đoán. Đây là chỗ tạo nên sự khác biệt giữa sự xác định và lựa chọn đường hướng cách mạng cho dân tộc Việt Nam của Hồ Chí Minh với các bậc tiền bối yêu nước.

Hồ Chí Minh đã đi qua nhiều châu lục, đến nhiều nước (đến Pháp năm 1911, đến Mỹ năm 1912-1913, đến Anh từ cuối năm 1913, Liên Xô, Trung Quốc,...), biết đến nhiều học thuyết, chủ thuyết phát triển, cũng như các cuộc cách mạng tư sản ở Pháp, Mỹ, Anh. Mặc dù tham gia vào Đảng Xã hội Pháp khá sớm, nhưng lúc đó Hồ Chí Minh vẫn chưa biết đảng là gì, công đoàn là gì, cũng không phân biệt được chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Song, tại Đại hội nổi tiếng ở Tua năm 1920, Hồ Chí Minh đã chọn Quốc tế thứ ba, vì Quốc tế thứ ba do V.I.Lênin sáng lập không hề lảng tránh các vấn đề về dân tộc và thuộc địa mà trái lại, đã tích cực đấu tranh vì sự tự do, độc lập của các dân tộc bị áp bức. Quốc tế thứ ba còn chỉ ra cho các nước thuộc địa con đường đấu tranh cách mạng để giành độc lập dân tộc. Nói một cách ngắn gọn, Quốc tế thứ ba có con đường thực hiện được mục đích cách mạng mà Hồ Chí Minh đã xác định, khi Người đi ra nước ngoài tìm đường giải phóng Tổ quốc, giải phóng dân

(2) Xem: Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, t.12. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.470.

tộc. Hồ Chí Minh đánh giá cao việc Đảng Xã hội Pháp gia nhập Quốc tế thứ ba, bởi điều đó có nghĩa là “Đảng hứa một cách cụ thể rằng từ nay Đảng sẽ đánh giá đúng tầm quan trọng của vấn đề thuộc địa”(3), trong đó có Việt Nam. Và từ rất sớm, Hồ Chí Minh đã khẳng định rằng, “chỉ có giải phóng giai cấp vô sản thì mới giải phóng được dân tộc; cả hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản và của cách mạng thế giới”(4).

Tới khi đọc *Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa* của V.I.Lênin (1920), Hồ Chí Minh càng thấy rõ hơn tại sao *chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới có thể giải phóng được mọi ách áp bức dân tộc một cách triệt để*. Người thấy ở chủ nghĩa Mác - Lênin *con đường cách mạng để giải phóng dân tộc Việt Nam khỏi ách áp bức của chủ nghĩa thực dân và xiềng xích của chế độ phong kiến lạc hậu. Luận cương của V.I.Lênin về các vấn đề dân tộc và thuộc địa* đã khiến cho Người “rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao”. Người đã “vui mừng đến phát khóc lên”, ngời “một mình trong buồn” mà “nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo”: “Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta!”(5). Và từ đó, Người “hoàn toàn tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba”(6), như Người viết: “Lúc đầu, chính là chủ nghĩa yêu nước, chứ chưa phải chủ nghĩa cộng sản đã đưa tôi tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba. Từng bước một, trong cuộc đấu tranh, vừa nghiên cứu lý luận Mác - Lênin, vừa làm công tác thực tế, dần dần tôi hiểu được rằng chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ”(7). *Luận cương của V.I.Lênin*

đã đưa Hồ Chí Minh đi đến khẳng định rằng, “*muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản*”(8).

Tại sao con đường xã hội chủ nghĩa cũng như *Luận cương của V.I.Lênin* lại thuyết phục được Hồ Chí Minh, khiến Người xác định và lựa chọn con đường đó để đi theo và truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam? Đó là bởi, Người đã thấy rằng, V.I.Lênin không những đã giải phóng dân tộc mình, mà còn muốn giải phóng các dân tộc khác và “Người có một cương lĩnh hành động để đạt mục đích ấy”(9). Nói cách khác, Người đã thấy được ở *Luận cương của V.I.Lênin* hai vấn đề quan trọng: *Một là*, sự tương đồng về mục đích cách mạng, và *hai là*, con đường cụ thể để đạt được mục đích cách mạng đó. Hồ Chí Minh đã ví chủ nghĩa Lênin như “cái cảm nang thần kỳ” mà mỗi khi gặp khó khăn, người ta có thể giở ra và tìm thấy ở đó cách giải quyết vấn đề, nhất là đối với những người cộng sản ở phương Đông - nơi có “những điều kiện riêng biệt mà các nước châu Âu không có”(10), trong khi vẫn dựa vào lý luận chung và thực tiễn của chủ nghĩa cộng sản.

Với cách tiếp cận chủ nghĩa xã hội *xuất phát từ thực tiễn, từ lịch sử và nhu cầu sinh tồn của dân tộc Việt Nam*, Hồ Chí Minh không chỉ tìm thấy ở chủ nghĩa xã hội những điểm *phù hợp* với mong muốn và khát vọng của dân tộc Việt Nam, mà còn chỉ ra cho dân tộc Việt Nam những lợi ích, những giá trị có được khi

(3) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.1, tr.23.

(4) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.1, tr.416.

(5) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.10, tr.127.

(6) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.10, tr.127.

(7) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.10, tr.128.

(8) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.9, tr.314.

(9) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.12, tr.472.

(10) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.12, tr.475.

xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chính vì vậy, Người đã rất thành công trong việc đưa chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, phổ biến một cách sâu rộng chủ nghĩa này trong dân tộc Việt Nam qua sự diễn đạt đơn giản nhưng cốt yếu, khiến cho nó trở nên dễ hiểu, gần gũi với dân tộc Việt Nam, *phù hợp với và đáp ứng được nhu cầu sinh tồn và phát triển của dân tộc Việt Nam*. Cũng bởi xuất phát từ thực tiễn của dân tộc Việt Nam, Người đã cho rằng, một trong những bài học lớn của cách mạng Việt Nam, đặc biệt là đối với những người cán bộ, là phải “vận dụng một cách sáng tạo” đường lối của chủ nghĩa Mác - Lênin “vào hoàn cảnh cụ thể của dân tộc”(11), chứ không phải là học thuộc chủ nghĩa Mác - Lênin và truyền bá một cách máy móc chủ nghĩa này đến người dân. Tính dân tộc là một nét đặc sắc của tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung, tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội nói riêng. Song, bên cạnh đó, Hồ Chí Minh còn là một nhà “mácxít sáng tạo”(12) đã kết hợp nhuần nhuyễn mối quan hệ giữa dân tộc và quốc tế trong thực tiễn cách mạng. Sáng tạo vừa là đặc điểm, vừa là nét đặc sắc trong tư duy và phương pháp tiếp cận chủ nghĩa xã hội của Hồ Chí Minh. Chính bởi sự sáng tạo đó mà Người đã tìm ra được mẫu số chung giữa chủ nghĩa yêu nước của dân tộc Việt Nam với các phong trào tiến bộ của thế giới, với chủ nghĩa Mác - Lênin và gắn kết mật thiết được chúng với nhau, qua đó chỉ rõ quy luật phát triển mới của Việt Nam - quy luật độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Có thể nói, sự xác định, lựa chọn và kết hợp hài hòa mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của Hồ Chí Minh hoàn toàn phù hợp với sự vận động và phát triển của cách mạng Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại, không chỉ

trong những thập niên đầu thế kỷ XX, mà còn cả trong thế kỷ XXI, đáp ứng được nhu cầu, khát khao độc lập dân tộc và ấm no, hạnh phúc của nhân dân Việt Nam. Thành quả nhận thức đó của Người là sản phẩm của một trí tuệ thiên tài, đồng thời là sản phẩm của sự dũng cảm vượt qua lối mòn nhận thức của các bậc tiền bối yêu nước muốn giải quyết vấn đề độc lập dân tộc hoặc theo lập trường phong kiến, hoặc theo lập trường tư bản chủ nghĩa. Sự xác định và lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa cho dân tộc Việt Nam của Người là kết quả của sự trải nghiệm, suy tư, phân tích thấu đáo các sự biến lịch sử và thời cuộc, chứ không phải là sự mong mỏi hay sự cầu may rủi đối với cách mạng Việt Nam. Người đã dành cả cuộc đời mình bôn ba trong thực tiễn để tìm hướng đi cho dân tộc Việt Nam.

Rõ ràng là ở đây, chúng ta thấy nổi lên vai trò của chủ thể trong việc nhận thức và xác định *đúng đắn* khả năng. Bởi cùng là những người Việt Nam yêu nước và xuất chúng, cùng xuất phát từ truyền thống dân tộc, từ ước mơ và mong mỏi của dân tộc Việt Nam khi đó, nhưng khác với các bậc tiền bối, Hồ Chí Minh đã xác định được một cách *đúng đắn* khả năng phát triển của Việt Nam trên cơ sở nhận thức được mối liên hệ giữa khát vọng độc lập, tự do, ấm no, hạnh phúc của dân tộc Việt Nam với phong trào cách mạng thế giới và xu hướng tiến bộ của nhân loại. *Thực tiễn* cách mạng Việt Nam đã kiểm nghiệm và xác thực tính *đúng đắn* ấy. Sự xác định và lựa chọn khả năng phát triển xã hội chủ nghĩa của Hồ Chí Minh là thành quả trí tuệ của một vĩ nhân. Và ngược lại, vĩ nhân ấy - Hồ Chí Minh -

(11) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.11, tr.493.

(12) Hoàng Chí Bảo. *Tìm hiểu phương pháp Hồ Chí Minh*. Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội, 2005, tr.10.

cũng là sản phẩm của thời đại. Bởi lẽ, Người không chỉ thấu hiểu được khát vọng mãnh liệt về một nền độc lập, tự do, ấm no, hạnh phúc của dân tộc Việt Nam, mà còn nguyện dành cả cuộc đời mình phục vụ cho lợi ích ấy, ý chí ấy. Đối với Người, dân là nhất, từ lợi ích của dân cho đến sức mạnh và vai trò của dân. Điều đó rất quan trọng, bởi nó tạo nên sự khác biệt giữa các cá nhân xuất chúng. Các bậc tiền bối cũng là những cá nhân xuất chúng của thời đại, cũng thấu hiểu những khát vọng của dân tộc, cũng đấu tranh cách mạng và hy sinh vì những khát vọng đó. Nhưng, Hồ Chí Minh khác các bậc tiền bối ấy ở chỗ, ngay từ đầu, Người đã xác định rõ mục đích đấu tranh cách mạng của Người là vì một lợi ích duy nhất - lợi ích của quần chúng nhân dân, của dân tộc Việt Nam. Chính vì thế, khi tìm thấy con đường cứu nước từ trong Luận cương của V.I.Lênin, Người đã muốn chia sẻ niềm hạnh phúc tột bậc ấy trước hết với “quần chúng đông đảo”, với “đồng bào”, chứ không phải chỉ với riêng giai tầng nào đó trong xã hội. Điều đó, một lần nữa, được Người nhắc lại vào tháng 1 năm 1946 – những năm tháng đầu tiên xây dựng Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, trong *Trả lời các nhà báo nước ngoài* rằng, Người “chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”(13).

Theo chúng tôi, sở dĩ Hồ Chí Minh không lựa chọn độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa tư bản là vì, trong quá trình bôn ba nước ngoài tìm đường cứu nước, Người đã nhận thấy rất rõ mặt trái của chủ nghĩa tư bản đằng sau sự giàu có về vật chất cùng những lời hoa mỹ về tự do, bình đẳng, bác ái. Người thấy rằng, ngay chính nhân dân lao động ở các nước

tư bản chủ nghĩa cũng bị bóc lột, cũng không có được tự do chân chính. Hơn thế, khi một quốc gia nói chung, một quốc gia tư bản chủ nghĩa nói riêng còn đi xâm chiếm và tiến hành chiến tranh để nô dịch và bóc lột một dân tộc khác vì bất cứ lý do gì thì chắc chắn, độc lập dân tộc gắn với quốc gia đó, với chủ nghĩa tư bản chỉ là một thứ độc lập dân tộc hình thức. Còn chủ nghĩa xã hội lại chỉ ra một chế độ xã hội vì con người và điều quan trọng là, chế độ xã hội ấy xóa bỏ triệt để chế độ người bóc lột, nô dịch người. Chế độ xã hội ấy chính là điều mà dân tộc Việt Nam hồi đầu thế kỷ XX đang khát khao chờ đợi. Hơn nữa, dù giai cấp tư sản dân tộc Việt Nam đã có những cuộc đấu tranh với thực dân, đế quốc xâm lược, với chế độ phong kiến, nhưng giai cấp tư sản còn non trẻ ấy lại nhanh chóng có sự thỏa hiệp với thực dân, đế quốc và giai cấp phong kiến, vì về cơ bản, lợi ích của nhóm này là tương đồng, chỉ có tỷ lệ là khác nhau. Và, chúng đấu tranh với nhau chính là vì điều đó, chứ không phải vì lợi ích của đông đảo quần chúng nhân dân lao động. Bởi vậy, sự lựa chọn của Hồ Chí Minh tất yếu là độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội, chứ không phải là độc lập dân tộc gắn với chế độ phong kiến hay với chủ nghĩa tư bản.

Hồ Chí Minh không chỉ xác định và lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, mà với tư cách người sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam, là Chủ tịch nước, Người còn có những tư tưởng quý báu về sự hiện thực hóa khả năng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Điều đó thể hiện qua những tư tưởng mang đậm chất Việt Nam của Người về chủ nghĩa xã hội, về cách thức và thời gian xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

(13) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.4, tr.161.

Vì tiếp cận chủ nghĩa xã hội xuất phát từ mục đích độc lập, tự do cho dân tộc, nên khi đất nước Việt Nam chưa giành được độc lập, tự do, Hồ Chí Minh ít bàn về chủ nghĩa xã hội một cách thuần túy như các nhà mácxít khác, mà Người chủ yếu bàn đến chủ nghĩa xã hội với tư cách con đường đấu tranh cách mạng để các dân tộc bị áp bức giành được độc lập, tự do. Khi Việt Nam đã giành được độc lập, tự do và bắt tay vào xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, Hồ Chí Minh mới bàn nhiều hơn về chủ nghĩa xã hội với tư cách một hệ thống lý luận, một học thuyết phát triển, một chế độ xã hội.

Quan niệm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội là nhất quán, nhưng tùy lớp đối tượng nghe và hoàn cảnh cụ thể mà Người có sự trình bày khác nhau, bởi với Người, học chủ nghĩa Mác – Lênin không phải là học từng câu chữ, vấn đề là phải hiểu như thế nào và “khéo liên hệ”, áp dụng vào thực tiễn ra sao. Do đó, *quan niệm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội là cụ thể và rõ ràng*. Theo Người, “chủ nghĩa xã hội là làm sao cho nhân dân đủ ăn, đủ mặc, ngày càng sung sướng, ai nấy được đi học, ốm đau có thuốc, già không lao động được thì nghỉ, những phong tục tập quán không tốt dần dần được xóa bỏ... Tóm lại, xã hội ngày càng tiến, vật chất ngày càng tăng, tinh thần ngày càng tốt, đó là chủ nghĩa xã hội”(14); “chủ nghĩa xã hội là làm cho mọi người dân được ấm no, hạnh phúc và học hành tiến bộ”(15); chủ nghĩa xã hội nghĩa là “làm sao cho dân giàu nước mạnh”(16), ai cũng “áo ấm cơm no, nhà ở tử tế, được học hành”, “*không có chế độ tư hữu*”(17). Chủ nghĩa xã hội “là làm sao cho dân giàu nước mạnh”(18), xã hội “tự do”, “dân chủ”(19), “công bằng”, “văn minh”. Có khi, Người lại giải thích rất ngắn gọn về chủ nghĩa xã hội như sau: “Xây dựng chủ nghĩa xã hội, tức là

xây dựng đời sống ấm no sung sướng cho nhân dân ta”(20),... Nói tóm lại, quan niệm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội mang đậm màu sắc Việt Nam, đậm mong muốn và mục đích phát triển của dân tộc Việt Nam, chứ không đậm dấu ấn học thuật như quan niệm về chủ nghĩa xã hội của các nhà mácxít khác.

Cùng với quan niệm về chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh đã chỉ ra cách thức tiến lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đó là, Việt Nam tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội mà không phải trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Tư tưởng này của Người là sự tiếp thu tư tưởng của V.I.Lênin về việc các nước kém phát triển có thể tiến lên chủ nghĩa xã hội bằng con đường “phát triển rút ngắn”. Hồ Chí Minh cũng từng có thời kỳ chịu ảnh hưởng từ chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô trong những năm 30 của thế kỷ XX, nhưng trong quá trình lãnh đạo đất nước xây dựng chủ nghĩa xã hội, Người đã nhận thấy rằng, “làm trái với Liên Xô cũng là mácxít”, bởi điều quan trọng là, chúng ta có phong tục, tập quán, có lịch sử khác với Liên Xô nên tất yếu, bên cạnh việc học tập kinh nghiệm của các nước xã hội chủ nghĩa khác, chúng ta cũng phải có phương pháp xây dựng chủ nghĩa xã hội của riêng mình, *gắn với thực tiễn và lịch sử của Việt Nam*. Cũng chính vì xuất phát từ thực tiễn Việt Nam, nên theo Người, quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam diễn ra lâu dài, chứ “không thể một sớm một chiều”(21) được.

(14) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.10, tr.591.

(15) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.10, tr.97.

(16) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.8, tr.226.

(17) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.7, tr.210.

(18) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.8, tr.226.

(19) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.7, tr.248-249.

(20) Xem: Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.10, tr.543, 484.

(21) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.2, tr.228.

Hơn nữa, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, ngoài sự tác động của những yếu tố khách quan, còn phụ thuộc nhiều vào nhận thức và sự cố gắng của chủ thể(22).

Theo Hồ Chí Minh, muốn “tiến lên chủ nghĩa xã hội” thì không phải “cứ ngồi mà chờ” là sẽ có được chủ nghĩa xã hội. Về mặt kinh tế, phải tạo ra những điều kiện cần và đủ về cơ sở vật chất(23), tức là phải sản xuất: “Chủ nghĩa xã hội là gì? Là no ấm. Gì nữa? Là đoàn kết, vui khỏe. Muốn đi đến chủ nghĩa xã hội phải làm gì? Phải học tập, lao động, đoàn kết. Làm gì nữa? Phải tăng gia sản xuất, làm ra nhiều lúa, nhiều khoai, đủ các thứ. Vải nhiều thì mặc ấm, nhiều lúa khoai thì ăn no. Còn phải làm gì nữa? Phải tiết kiệm. Tăng gia sản xuất là làm cho được nhiều, nhưng lại còn phải tiết kiệm nữa”(24). Về mặt xã hội, để chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản trở thành hiện thực thì còn cần phải có điều kiện là “tất cả mọi người đều được phát triển hết khả năng của mình”(25). Về mặt chính trị, Đảng phải “lãnh đạo toàn dân thực hiện dân chủ mới, xây dựng điều kiện để tiến lên chủ nghĩa xã hội”(26),...

Chúng tôi nhận thấy rằng, trong cách tiếp cận chủ nghĩa xã hội của Hồ Chí Minh, dù là khi Người đang đi tìm, xác định và lựa chọn con đường giải phóng Tổ quốc hay là khi Việt Nam đã giành được độc lập, tự do và bắt tay vào xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, thì điểm xuyên suốt cách tiếp cận ấy là *xuất phát từ thực tiễn Việt Nam*. Cuộc đời hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh đã cho thấy rằng, điểm xuyên suốt ấy không chỉ quy định, làm nên thành công của Người trong việc xác định và lựa chọn con đường giải phóng dân tộc, mà còn là điều kiện tiên quyết để hiện thực hóa khả năng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

## 2. Ý nghĩa hiện thời

Từ sự xác định, lựa chọn và hiện thực hóa con đường xã hội chủ nghĩa của Hồ Chí Minh, theo chúng tôi, nổi lên một số vấn đề có ý nghĩa quan trọng đối với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay như sau:

*Một là, Đảng phải thể hiện xuất sắc vai trò chủ thể trong quá trình hiện thực hóa khả năng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.* Với tư cách đảng cầm quyền và người chèo lái con thuyền cách mạng Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam có vai trò định hướng mọi hoạt động hướng đích xã hội chủ nghĩa của các chủ thể còn lại trong xã hội. Nói đến vai trò định hướng là nói đến một con đường từ trên xuống, tức là từ Trung ương, từ ý tưởng của giới lãnh đạo tối cao đến hoạt động của các chủ thể còn lại trong xã hội. Điều đó đòi hỏi Trung ương và giới lãnh đạo tối cao nói riêng, Đảng Cộng sản Việt Nam nói chung phải có minh tuệ, có hiểu biết và tầm nhìn sâu rộng về thời cuộc, có những nhà lãnh đạo tài ba để luôn kịp thời nhận thức và xác định được những quy luật phát triển đằng sau những mối liên hệ chằng chịt thúc đẩy sự vật, hiện tượng vận động, nhất là những quy luật về kinh tế. Bởi trong thời bình, xây dựng và phát triển kinh tế vững mạnh chính là phương cách tốt nhất để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa. Chúng ta không thể bảo vệ được chế độ xã hội chủ nghĩa nếu như nền kinh tế của chúng ta yếu kém, chậm đổi mới và phát triển so với sự tiến triển của thời đại.

Nếu Đảng thiếu minh tuệ, hiểu biết

(22) Xem: Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.8, tr.411-412.

(23) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.8, tr.411.

(24) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.10, tr.461.

(25) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.4, tr.272.

(26) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.6, tr.174, 469.

và tầm nhìn sâu rộng về thời cuộc, thì không những Đảng sẽ đánh mất cơ hội thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển để có thể phục vụ nhân dân tốt hơn, mà còn không phát huy được sức mạnh của quần chúng nhân dân trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, không tận dụng và khuyến khích được những người tài có tâm làm việc, cống hiến cho Đảng, cho nhân dân, cho đất nước. Theo chúng tôi, để tránh nguy cơ ấy, Đảng không những phải luôn nắm vững bài học về dân, mà còn phải luôn gần dân để thấu hiểu được tâm tư, nguyện vọng của dân, đồng thời phải giải đáp kịp thời và trúng những thắc mắc của dân.

*Hai là, bài học về nhận thức lợi ích, sức mạnh và vai trò của dân không bao giờ cũ.* Dân ở đây được hiểu là quần chúng nhân dân lao động, chứ không phải chỉ là một nhóm, một giai tầng nào đó. Đảng ta là đảng của giai cấp công nhân, đồng thời cũng là của dân tộc. Các chủ trương, chính sách và hoạt động của Đảng chỉ có thể thành công và được quần chúng nhân dân ủng hộ khi đúng với nguyện vọng nhân dân, *phản ánh được đúng và trúng* khát vọng của nhân dân. Các chủ trương, chính sách của Đảng *phải* thấm thấu được vào đời sống của nhân dân và *phải nhận được* sự phản hồi tích cực từ nhân dân. Sự phản hồi ấy nói lên tâm tư, nguyện vọng của nhân dân và từ thực tiễn đó, Đảng sẽ có thêm cơ sở để hoàn thiện lý luận về chủ nghĩa xã hội. Cho nên, sự phản hồi đó cần phải được khuyến khích và nhân rộng. Song, sự phản hồi ấy không nên diễn ra một cách hình thức, như thông qua một số người được gọi là đại biểu của dân nhưng thực chất không gần gũi với cuộc sống của nhân dân và không *dám* nói lên tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, v.v.. Việc Đảng tiếp thu các phản hồi từ nhân dân và thay đổi các chủ

trương, chính sách đã ban hành luôn có ảnh hưởng không nhỏ tới lòng tin và sự ủng hộ của dân dành cho Đảng.

Bài học về dân bao giờ cũng được Đảng tổng kết trong mỗi kỳ đại hội. Nhưng, thiết nghĩ, tốt nhất, trước hết, mỗi đảng viên dù ở cương vị nào, đặc biệt là ở cương vị lãnh đạo trong Đảng, cần phải luôn ghi nhớ và thấm nhuần những bài học về lợi ích, sức mạnh và vai trò của dân mà Hồ Chí Minh đã chỉ ra. Khi những lợi ích, những khát vọng thiết thân của dân được Đảng quan tâm và đáp ứng, khi vai trò của dân được coi trọng thì chắc chắn, sức mạnh của dân là dành cho Đảng.

*Ba là, sự hiện thực hóa chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam phải luôn xuất phát từ thực tiễn Việt Nam.* Điều này nghe qua có vẻ đơn giản nhưng trong thực tế, đó là điều không dễ. Theo chúng tôi, xuất phát từ thực tiễn cần được hiểu theo cả hai nghĩa: *Thứ nhất*, sự hiện thực hóa chủ nghĩa xã hội phải xuất phát từ và trên cơ sở những đặc điểm địa lý, lịch sử, kinh tế, văn hóa, xã hội,... của Việt Nam; *thứ hai*, đó là khi thực tiễn thay đổi thì sự hiện thực hóa chủ nghĩa xã hội cũng phải thay đổi theo. Nếu ở nghĩa thứ nhất, tính sáng tạo có vai trò nổi bật, thì ở nghĩa thứ hai, vai trò của tính chủ động nổi lên. Đặc biệt, đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay, tốc độ phát triển của chúng ta diễn ra nhanh, nhưng Việt Nam vẫn ở trình độ một nước đang phát triển. Việc học hỏi, áp dụng thành tựu và các phương thức thành công của các nước phát triển vào Việt Nam là cần, nhưng chưa đủ. Điều quan trọng là, chúng ta phải tìm ra được những cái gì phù hợp với đặc điểm của Việt Nam để bổ sung và phát triển trong khi vận dụng những thành tựu, phương thức ấy. □